

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

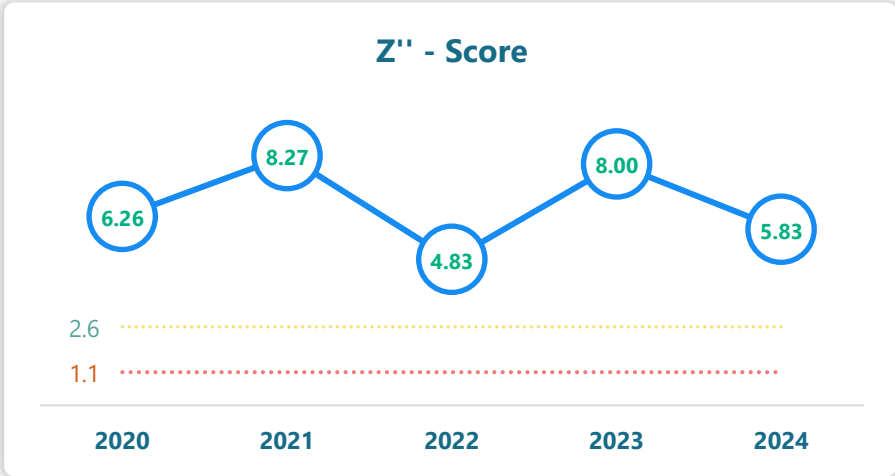
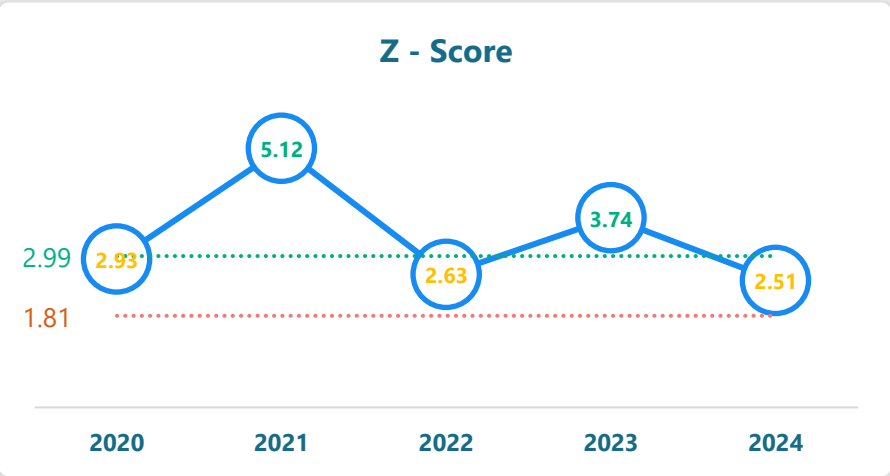
Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày	1,500 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0.0%

Hệ số nguy cơ phá sản	2.51
Z - score (sản xuất)	(Ca)
2024	Cảnh báo

Hệ số nguy cơ phá sản	5.83
Z'' - score (phi sản xuất)	(Ca)
2024	An toàn

DT thuần	2024	YoY
	112	▲ 11.0
tỷ VNĐ		▲ 11.3%



LN sau thuế	2024	YoY
	4.57	▲ 0.20
tỷ VNĐ		▲ 4.7%

ROE	2024	+/- YoY
	5.1%	▲ 0.2%

ROA	2024	+/- YoY
	4.2%	▲ 0.3%

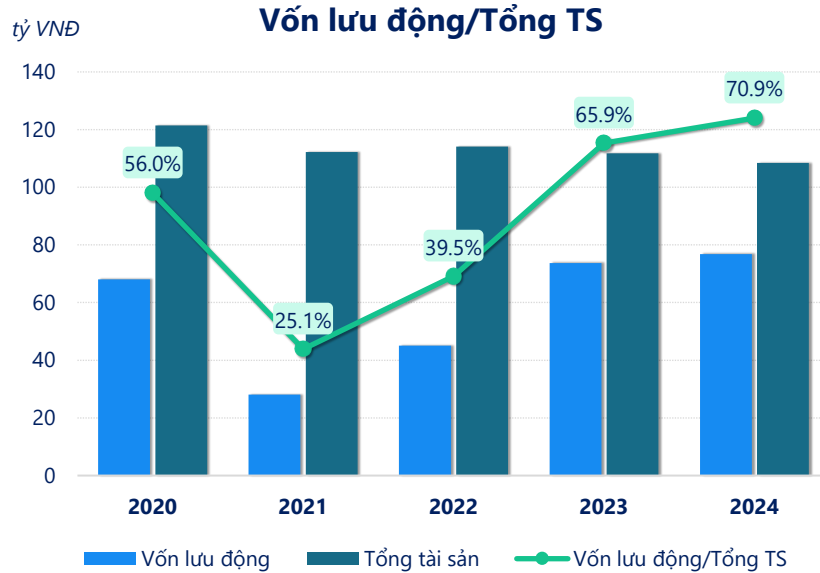
Xét với doanh nghiệp sản xuất: **Z-Score** của **SAL** năm **2024** đạt **2.51**, **thấp hơn** so với năm 2023 (3.74). **Z-Score nằm trong khoảng từ 1.81 đến 2.99**, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng cảnh báo, có thể có nguy cơ phá sản.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: **Z''-Score** của **SAL** năm **2024** đạt **5.83**, thể hiện mức độ rủi ro phá sản rất thấp, điều này cho thấy tình hình tài chính ổn định và có tính dài hạn.

Kết quả kinh doanh **SAL** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 11.3%** đạt **112.0** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 4.57 tỷ đồng **tăng 4.72%**.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **5.13%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

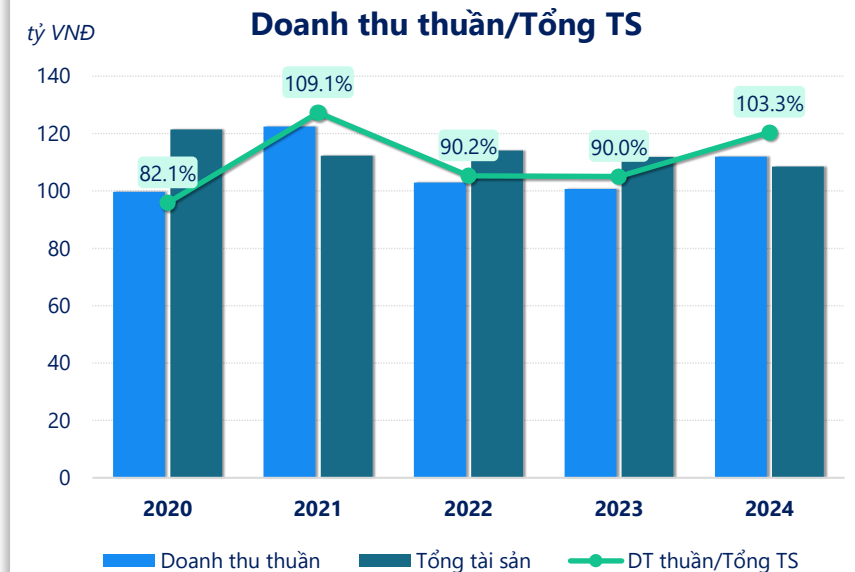
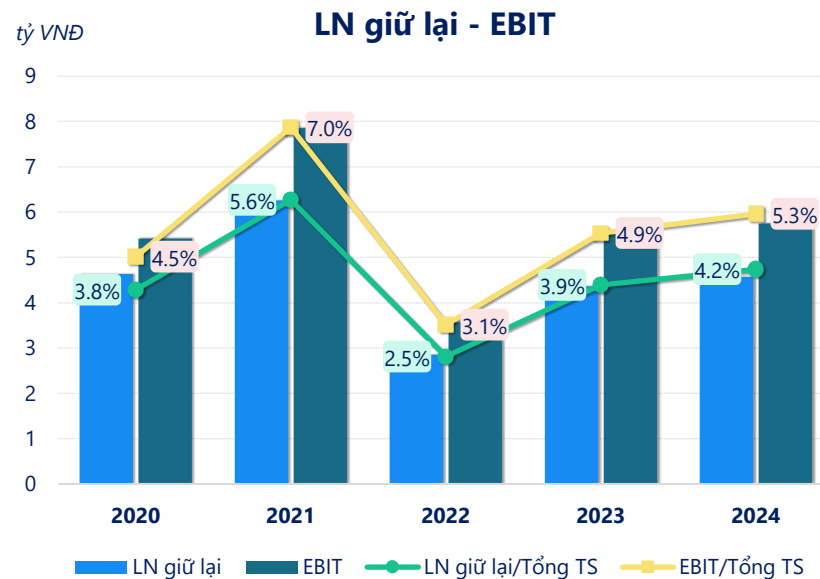
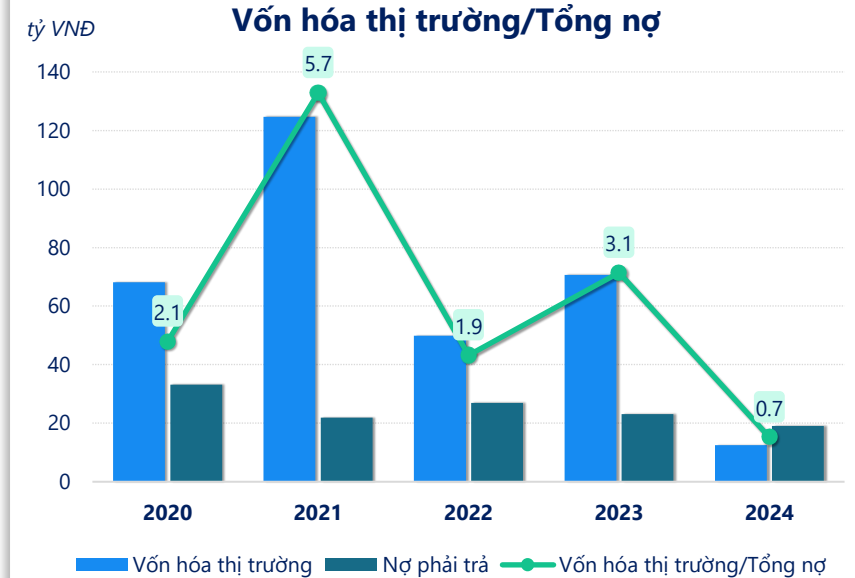
CTCP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam (UPCOM: SAL)



Vốn lưu động > 0 và **tăng** so với năm trước cho thấy công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn khá tốt. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ dưới 1 có thể cho thấy công ty đang gặp phải một số thách thức trong việc tạo ra giá trị cho cổ đông hoặc chưa thực sự quản lý nợ một cách hiệu quả.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	108	112	-3.0%
Tài sản ngắn hạn	95.0	96.7	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	16.8	18.7	-10.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.0	52.0	9.6%
Phải thu ngắn hạn	13.3	21.0	-36.6%
Hàng tồn kho	7.81	4.87	60.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.11	0.13	-15.7%
Tài sản dài hạn	13.5	15.1	-10.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.02	7.95	-11.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.36	0.10	254%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.10	7.01	-13.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	19.1	23.1	-17.2%
Nợ ngắn hạn	18.1	23.1	-21.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.85	10.9	-55.5%
Nợ dài hạn	0.96	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	89.4	88.7	0.7%
Vốn chủ sở hữu	89.4	88.7	0.7%
Vốn điều lệ	83.1	83.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	99.7	122	103	101	112
Giá vốn hàng bán	76.2	97.0	86.8	78.6	91.6
Lợi nhuận gộp	23.5	25.5	16.1	22.1	20.4
Doanh thu HĐTC	3.20	3.27	3.21	4.05	2.94
Chi phí TC	0.01	0.00	0	0	0
Chi phí lãi vay	0.01	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	23.2	24.2	17.5	21.5	21.4
LN thuần từ HĐKD	3.54	4.57	1.81	4.63	1.98
Lợi nhuận khác	1.86	3.29	1.76	0.88	3.77
LN trước thuế	5.40	7.86	3.57	5.51	5.75
Lợi nhuận sau thuế	4.63	6.26	2.85	4.37	4.57
LNST của CĐ cty mẹ	4.63	6.26	2.85	4.37	4.57

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.0	5.32	1.86	-4.88	4.52
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.31	-5.93	2.37	7.05	-3.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.12	-3.67	-4.34	-2.28	-3.49
Tiền đầu kỳ	16.6	23.2	18.9	18.8	18.7
Lưu chuyển tiền thuần	6.58	-4.29	-0.11	-0.10	-1.99
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.01	0.01	0.03
Tiền cuối kỳ	23.2	18.9	18.8	18.7	16.8